

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Hội đồng quản trị

Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên (từ nhiệm từ ngày 29 tháng 3 năm 2016)
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Văn	Kế toán trưởng

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

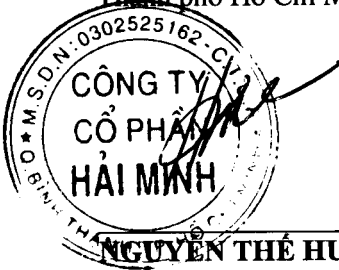
điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016



NGUYỄN THẾ HUNG - Tổng Giám đốc

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 6 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

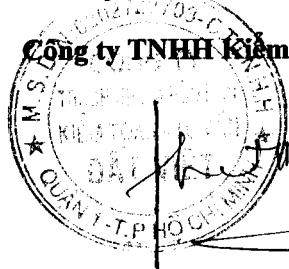
Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt *quyết*



attl

VÔ THẾ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

11/11/16

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.604.564.181	90.624.778.397
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	36.270.269.510	52.599.242.118
1. Tiền	111		15.270.269.510	14.516.205.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	38.083.036.667
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000	1.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	200.000.000	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61.320.082.038	31.810.807.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.067.288.380	22.901.838.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.739.690.295	899.400.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	22.595.434.361	8.009.569.696
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(82.330.998)	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	720.000.963	409.147.190
Hàng tồn kho	141		720.000.963	409.147.190
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.094.211.670	4.805.581.234
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6.a	2.526.278.235	1.566.585.917
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.899.942.856	2.365.537.735
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		667.990.579	873.457.582
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		180.552.654.609	178.625.123.512
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.497.088.000	997.088.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.497.088.000	997.088.000
II. Tài sản cố định	220		102.051.283.075	106.824.915.628
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	100.168.674.088	105.105.954.977
Nguyên giá	222		160.849.348.423	160.708.277.567
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.680.674.335)	(55.602.322.590)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.882.608.987	1.718.960.651
Nguyên giá	228		1.893.987.237	1.721.291.237
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.378.250)	(2.330.586)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.672.056.014	22.823.947.544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	29.672.056.014	22.823.947.544
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	40.480.305.178	42.109.776.064
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		34.680.305.178	36.309.776.064
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.800.000.000	5.800.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.851.922.342	5.869.396.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.292.889.892	5.078.595.528
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		187.818.008	48.371.866
3. Lợi thế thương mại	268		371.214.442	742.428.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		285.157.218.790	269.249.901.909

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2016	Số dư 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.288.031.146	13.319.321.096
I. Nợ ngắn hạn	310		22.022.210.093	13.015.300.043
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	16.442.479.744	6.455.117.554
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.340.904.896	3.257.456.828
3. Phải trả người lao động	314		1.294.345.603	1.571.894.499
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		433.311.227	181.973.943
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	531.029.569	1.085.005.415
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.980.139.054	463.851.804
II. Nợ dài hạn	330		265.821.053	304.021.053
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	168.068.000	198.068.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		97.753.053	105.953.053
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		262.869.187.644	255.930.580.813
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	262.869.187.644	255.930.580.813
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.840.984.271	5.860.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.260.664	6.746.260.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		116.953.103.854	109.777.973.675
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>104.392.179.002</i>	<i>76.622.858.271</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>12.560.924.852</i>	<i>33.155.115.404</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.330.368.855	1.546.892.203
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		285.157.218.790	269.249.901.909

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016



NGUYỄN THẾ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤTCho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Có so sánh với số liệu 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015)MÃU B02a-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	49.422.211.369	69.019.486.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.510.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		49.418.701.369	69.019.486.876
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.086.040.546	55.228.544.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.332.660.823	13.790.942.226
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.521.485.474	945.985.670
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	51.864.564	75.462.987
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		5.747.131.750	6.017.185.900
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	4.926.727.706	4.447.001.968
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.622.685.777	16.231.648.841
12. Thu nhập khác	31		572.213.935	48.119.551
13. Chi phí khác	32		62.153.502	9.635.494
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	510.060.433	38.484.057
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.132.746.210	16.270.132.898
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.644.109.192	2.269.059.604
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(142.901.275)	(53.209.053)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.631.538.293	14.054.282.347
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		12.560.924.852	13.991.978.187
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		70.613.441	62.304.160
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	856,44	1.263,28
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	856,44	1.263,28



NGUYỄN THẾ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 03a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.132.746.210	16.270.132.898
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.764.592.124	6.303.452.201
- Các khoản dự phòng	03		82.330.998	-
- (Lãi)/ Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		913.099	(63.211.319)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.414.211.177)	(6.835.473.996)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.566.371.254	15.674.899.784
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		(22.812.172.365)	(4.230.314.497)
- Tăng hàng tồn kho	10		(310.853.773)	197.346.735
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.386.909.686	5.088.268.259
- Tăng chi phí trả trước	12		(2.173.986.682)	(1.020.520.064)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.914.300.215)	(1.821.735.984)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(1.924.724.327)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.258.032.095)	11.963.219.906
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.832.954.106)	(9.268.609.416)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		572.213.935	90.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	4.550.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(200.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		670.651.557	770.168.545
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.790.088.614)	(10.208.440.871)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	186.359.755
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.279.938.800)	(6.958.920.830)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.279.938.800)	(6.772.561.075)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(16.328.059.509)	(5.017.782.040)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		52.599.242.118	25.532.790.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(913.099)	63.211.319
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		36.270.269.510	20.578.219.305



NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ Ông

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

Trụ sở chính

- Địa chỉ : tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 08 35128 668
- Fax : 08 35128 688
- Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông – đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại cuối kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 3 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần vốn sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	25,00%	25,00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ
Công ty CP Hàng hải Hưng Phú	21/4 Liên Phường, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	Giao nhận hàng hóa. Dịch vụ tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 176 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 174 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư góp vốn liên doanh, liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên doanh, liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên doanh, liên kết đó) không được ghi nhận.

Khi Công ty thực hiện giao dịch với công ty liên doanh, liên kết, nếu phát sinh lãi, Công ty chỉ ghi nhận khoản lãi tương ứng phần sở hữu của các bên khác trong công ty liên doanh, liên kết. Khoản lãi chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên doanh, liên kết được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Người lại, khi công ty liên doanh, liên kết thực hiện giao dịch với Công ty, nếu phát sinh lãi, Công ty không được ghi nhận phần lãi tương ứng với phần sở hữu của Công ty từ giao dịch đó.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên doanh, liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh, liên kết. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

6. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, góp vốn liên doanh và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phân chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

10. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 45
Phương tiện vận tải	3 - 12
Máy móc thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08
Tài sản cố định khác	5 - 10

11. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, Công ty tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Tiền mặt	1.415.377.247	1.855.176.357
Tiền gửi ngân hàng	13.854.892.263	12.661.029.094
Các khoản tương đương tiền (*)	21.000.000.000	38.083.036.667
Cộng	<u>36.270.269.510</u>	<u>52.599.242.118</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,8% /năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	200.000.000	1.000.000.000
Cộng	<u>200.000.000</u>	<u>1.000.000.000</u>

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	5.644.214.388	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	3.081.821.368	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.567.486.859	2.567.486.859
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	1.526.119.093	1.098.841.806
Công ty TNHH Tiếp vận Việt Tín	367.319.000	206.877.000
Các khách hàng khác	23.880.327.672	15.060.530.661
Cộng	<u>37.067.288.380</u>	<u>22.901.838.159</u>

Trong đó số dư phải thu khách hàng là các bên liên quan là:

Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	5.644.214.388	2.761.104.961
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	3.081.821.368	1.206.996.872
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.567.486.859	2.567.486.859
Cộng	<u>11.293.522.615</u>	<u>6.535.588.692</u>

4. Phải thu khác

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	22.595.434.361	-	8.009.569.696	-
Tạm ứng nhân viên	17.312.150.164	-	6.352.378.277	-
Ký cược, ký quỹ	569.928.325	-	461.810.659	-
Lãi dự thu	450.000.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	140.054.795	-	-	-
	4.123.301.077	-	1.195.380.760	-
b) Dài hạn				
Phải thu dài hạn khác	<i>1.497.088.000</i>	-	<i>997.088.000</i>	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	1.100.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ làm đại lý tiêu thụ	-	-	500.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	397.088.000	-	397.088.000	-
Cộng	<u>24.092.522.361</u>	-	<u>9.006.657.696</u>	-

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu	91.367.554	-
Công cụ, dụng cụ	17.912.000	-
Hàng hóa	610.721.409	409.147.190
Cộng	<u>720.000.963</u>	<u>409.147.190</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2016	01/01/2016				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-				
Giá trị thuần của hàng tồn kho	720.000.963	409.147.190				
6. Chi phí trả trước						
a) Ngắn hạn	2.526.278.235	1.566.585.917				
Công cụ dụng cụ	165.789.246	58.445.495				
Phí sửa chữa	350.518.374	364.090.820				
Chi phí khác	2.009.970.615	1.144.049.602				
b) Dài hạn	6.292.889.892	5.078.595.528				
Chi phí văn phòng	652.989.582	771.434.388				
Công cụ dụng cụ	3.425.761.798	2.834.681.572				
Phí sửa chữa	889.769.380	982.494.346				
Chi phí khác	1.324.369.132	489.985.222				
Cộng	8.819.168.127	6.645.181.445				
7. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.585.172.314	3.808.663.643	4.094.128.273	160.708.277.567
Tăng trong kỳ	-	-	3.394.049.636	-	-	3.394.049.636
Giảm trong kỳ	-	-	3.252.978.780	-	-	3.252.978.780
30/6/2016	76.808.507.516	411.805.821	75.726.243.170	3.808.663.643	4.094.128.273	160.849.348.423
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2016	19.689.106.388	65.311.728	33.245.793.044	1.142.773.144	1.459.338.286	55.602.322.590
Tăng trong kỳ	1.791.411.216	49.961.956	4.381.261.531	180.029.567	352.880.190	6.755.544.460
Giảm trong kỳ	-	-	1.677.192.715	-	-	1.677.192.715
30/6/2016	21.480.517.604	115.273.684	35.949.861.860	1.322.802.711	1.812.218.476	60.680.674.335
Giá trị còn lại						
01/01/2016	57.119.401.128	346.494.093	42.339.379.270	2.665.890.499	2.634.789.987	105.105.954.977
30/6/2016	55.327.989.912	296.532.137	39.776.381.310	2.485.860.932	2.281.909.797	100.168.674.088
Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng						
01/01/2016	-	-	12.971.178.821	493.860.149	-	13.465.038.970
30/6/2016	-	-	16.164.423.859	530.223.785	-	16.694.647.644

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2016	1.721.291.237	1.721.291.237
Tăng trong kỳ	172.696.000	172.696.000
Giảm trong kỳ	-	-
30/6/2016	1.893.987.237	1.893.987.237
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2016	2.330.586	2.330.586
Tăng trong kỳ	9.047.664	9.047.664
Giảm trong kỳ	-	-
30/6/2016	11.378.250	11.378.250
Giá trị còn lại		
01/01/2016	1.718.960.651	1.718.960.651
30/6/2016	1.882.608.987	1.882.608.987

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2016	01/01/2016
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau Cảng	29.672.056.014	22.461.947.544
Các công trình khác	-	362.000.000
Cộng	29.672.056.014	22.823.947.544

10. Các khoản đầu tư tài chính

	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	34.680.305.178	36.309.776.064
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	5.800.000.000	5.800.000.000
Cộng	40.480.305.178	42.109.776.064

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Giá trị đầu tư	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam	Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
Tại ngày 30/06/2016	18.175.783.651	7.069.435.800	800.000.000	26.045.219.451
Phần lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư				
Tại ngày 01/01/2016	9.331.303.438	1.631.785.399	(698.532.224)	10.264.556.613
Phần lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết 6 tháng đầu năm	5.179.910.743 (10.959.771.887)	668.688.783 -	(1.176.616.880) -	4.671.982.646 (10.959.771.887)
Có tức tạm ghi nhận trong năm	-	-	1.075.149.104	1.075.149.104
Điều chỉnh tăng lãi lỗ đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết (chỉ ghi nhận khoản lỗ tương ứng với giá trị còn lại của khoản đầu tư)	-	-	-	-
Điều chỉnh tăng giá trị theo giá trị tài sản thuần tại ngày 30/06/2016	3.800.013.906	(216.844.655)	-	3.583.169.251
Tại ngày 30/6/2016	7.351.456.200	2.083.629.527	(800.000.000)	8.635.085.727
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	27.507.087.089	8.701.221.199	101.467.776	36.309.776.064
Tại ngày 30/6/2016	25.527.239.851	9.153.065.327	-	34.680.305.178

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được xác định như sau:

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị niêm yết, giá hợp lý của khoản đầu tư là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	17.240.000	17.240.000	17.240.000	17.240.000
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.199.135.920	1.199.135.920	1.977.928.060	1.977.928.060
Công ty Hoa Tiêu Tân Cảng	-	-	536.618.487	536.618.487
Samudera Shipping Line Ltd.	9.663.266.273	9.663.266.273	-	-
Khách hàng khác	5.562.837.551	5.562.837.551	3.923.331.007	3.923.331.007
Cộng	16.442.479.744	16.442.479.744	6.455.117.554	6.455.117.554

Trong đó số dư phải trả người bán các bên liên quan là:

	30/6/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	17.240.000	17.240.000
Cộng	17.240.000	17.240.000

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2016
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước</i>	3.920.205	3.481.606.874	3.684.418.941	(198.891.862)
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	(797.927.696)	1.864.568.178	1.516.100.741	(449.460.259)
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	801.847.901	1.617.038.696	2.168.318.200	250.568.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.715.309.076	1.644.109.192	2.914.300.215	445.118.053
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	492.679.607	363.238.291	904.359.499	(48.441.601)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	1.222.629.469	1.280.870.901	2.009.940.716	493.559.654
Thuế thu nhập cá nhân	146.309.130	482.207.005	391.754.062	236.762.073
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	(75.529.886)	-	68.547.833	(144.077.719)
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	221.839.016	482.207.005	323.206.229	380.839.792
Các loại thuế khác	518.460.835	1.186.149.543	1.514.684.325	189.926.053
Thuế môn bài	-	12.500.000	14.000.000	(1.500.000)
Thuế đất	-	9.148.500	18.297.000	(9.148.500)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	518.460.835	1.164.501.043	1.482.387.325	200.574.553
<i>Thuế phải nộp</i>	296.817.835	967.495.543	1.048.376.325	215.937.053
<i>Thuế phải thu</i>	221.643.000	197.005.500	434.011.000	(15.362.500)
Cộng	2.383.999.246	6.794.072.614	8.505.157.543	672.914.317

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiêu	Số dư 01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2016
<i>Trình bày:</i>				
Thuế phải thu	873.457.582			667.990.579
Thuế phải nộp	3.257.456.828			1.340.904.896

13. Phải trả khác

a) Ngắn hạn	531.029.569	1.085.005.415
Kinh phí công đoàn	101.541.480	90.118.730
Cổ tức đợt 1 năm 2015 phải trả	-	2.463.920
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	55.000.000	20.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	374.488.089	972.422.765
b) Dài hạn	168.068.000	198.068.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng và Môi trường Ngọc Anh - Nhận ký quỹ dài hạn	-	30.000.000
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	28.068.000	28.068.000
Cộng	699.097.569	1.283.073.415

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiêu	01/01/2016	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi trong năm/kỳ	30/06/2016
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	138.225.132	2.848.975.171	(1.465.175.714)	1.522.024.589
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	325.626.672	1.663.939.765	(1.531.451.972)	458.114.465
Cộng	463.851.804	4.512.914.936	(2.996.627.686)	1.980.139.054

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2015	100.000.000.000	2.959.478.445	(694.034.275)	7.479.128.591	107.220.552.832	1.147.640.025	218.112.765.618
Tăng vốn	31.998.470.000	2.779.741.555	-	(733.424.655)	(11.305.566.900)	276.729.009	23.015.949.009
Lợi nhuận năm 2015	-	-	-	-	33.155.115.404	123.079.897	33.278.195.301
Bán cổ phiếu quỹ	-	(44.273.318)	673.712.109	-	-	-	629.438.791
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(4.056.477.822)	-	(4.056.477.822)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.235.649.839)	-	(15.235.649.839)
Điều chỉnh khác	-	166.037.589	20.322.166	556.728	-	(556.728)	186.359.755
Số 31/12/2015	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813
Số dư 01/01/2016	131.998.470.000	5.860.984.271	-	6.746.260.664	109.777.973.675	1.546.892.203	255.930.580.813
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016	-	-	-	-	12.560.924.852	70.613.441	12.631.538.293
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.993.413.436)	(122.523.119)	(4.115.936.555)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.279.938.800)	-	(5.279.938.800)
Tăng khác (*)	-	(20.000.000)	-	-	4.002.001.948	135.150.991	4.117.152.939
Giảm khác	-	-	-	-	(114.444.385)	(299.764.661)	(414.209.046)
Số dư 30/06/2016	131.998.470.000	5.840.984.271	-	6.746.260.664	116.953.103.854	1.330.368.855	262.869.187.644

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2016/NQ-DHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2016, bao gồm: chia cổ tức 12%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 7% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 5% Lợi nhuận hợp nhất.

(*) Khoản tăng khác do xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	01/01/2016		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần MHC	7,04%	929.198	9.291.980.000
Peter Eric Dennis	5,64%	744.717	7.447.170.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3,86%	509.750	5.097.500.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	437.385	4.373.850.000
Pyn Elite Fund (Non - ucits)	2,89%	381.000	3.810.000.000
Ông Lê Ngọc Đức	2,59%	341.886	3.418.860.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2,58%	340.185	3.401.850.000
Ông Phùng Văn Quang	2,56%	337.904	3.379.040.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,53%	334.273	3.342.730.000
Các cổ đông khác	67,00%	8.843.549	88.435.490.000
Cộng	100,00%	13.199.847	131.998.470.000

Cổ phiếu

	Tại 30/6/2016	Tại 01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	30/6/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ	USD	9.836,19	57.828,29

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Dịch vụ vận tải	11.902.052.306	38.839.846.582
Dịch vụ khai thác kho bãi	25.576.716.211	20.393.244.035
Dịch vụ đại lý container	6.311.349.054	6.526.961.170
Cho thuê văn phòng	890.038.107	418.824.317
Doanh thu bán hàng hóa	4.742.055.691	2.840.610.772
Cộng	<u>49.422.211.369</u>	<u>69.019.486.876</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	10.983.169.186	38.140.193.912
Giá vốn khai thác kho bãi	18.694.580.141	11.400.779.933
Giá vốn đại lý container	3.033.460.912	2.515.202.532
Giá vốn cho thuê văn phòng	724.897.611	325.767.516
Giá vốn hàng hóa	4.649.932.696	2.846.600.757
Cộng	<u>38.086.040.546</u>	<u>55.228.544.650</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng	670.651.557	220.168.545
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	3.880.218	-
Đầu tư khác	548.500.000	550.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	140.054.795	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	158.398.904	175.817.125
Lãi cho vay	-	-
Cộng	<u>1.521.485.474</u>	<u>945.985.670</u>

4. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	50.951.465	75.462.987
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	913.099	-
Cộng	<u>51.864.564</u>	<u>75.462.987</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Chi phí nhân viên quản lý	2.645.213.540	2.252.468.140
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	134.770.447	-
Chi phí dụng cụ quản lý	202.868.255	-
Chi phí khấu hao	187.861.668	90.136.134
Thuế phí và lệ phí	25.795.834	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	82.330.998	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.020.199.968	886.474.758
Chi phí bằng tiền khác	627.686.996	1.217.922.936
Cộng	4.926.727.706	4.447.001.968

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	572.213.935	48.119.551
Cộng	572.213.935	48.119.551

Chi phí khác

Chi phí khác	62.153.502	9.635.494
Cộng	62.153.502	9.635.494

Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác

510.060.433	38.484.057
--------------------	-------------------

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.132.746.210	16.270.132.898
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(5.912.200.248)	(5.956.225.608)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	37.410.000	61.097.838
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(5.949.610.248)	(6.017.323.446)
Thu nhập chịu thuế	8.220.545.962	10.313.907.291
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.644.109.192	2.269.059.604
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.644.109.192	2.269.059.604

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	12.560.924.852	13.991.978.187
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.256.092.485)	(1.399.197.819)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	11.304.832.366	12.592.780.368
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	9.968.284
Lãi cơ bản trên cổ phần	856,44	1.263,28

b) Lãi suy giảm trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	11.304.832.366	12.592.780.368
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	11.304.832.366	12.592.780.368
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	9.968.284
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	9.968.284
Lãi suy giảm trên cổ phần	856,44	1.263,28

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	10.022.184.518	3.042.514.187
Chi phí nhân viên	13.948.691.175	12.034.377.903
Chi phí khấu hao	6.764.592.124	6.303.452.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.206.445.956	35.138.086.882
Chi phí bằng tiền khác	2.070.854.479	3.157.115.445
Cộng	43.012.768.252	59.675.546.618

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong kỳ nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	140.054.795	-
Mua tài sản chưa thanh toán tiền	-	118.181.819

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Tại 30/6/2016</u>	<u>Tại 01/01/2016</u>
Trong vòng một năm	3.375.852.000	3.375.852.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.798.309.000	11.174.161.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	<u>11.174.161.000</u>	<u>14.550.013.000</u>

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 9.211 m2 để làm kho bãi container và các sinh hoạt khác tại số 1201 Xa lộ Hà Nội, phường Ngã Thẳng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá thuê là 11.000 VND/m2/01 tháng theo hợp đồng số 07/TMB-TV ký ngày 10 tháng 4 năm 2015 với thời hạn 05 năm tính từ ngày 15/5/2015. Và thuê 15.000 m2 để làm kho bãi container tại số 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, Quận 9 với giá thuê là 180.000.000 VND/01 tháng theo hợp đồng thuê số 01/2013 ký ngày 11 tháng 3 năm 2015 với thời hạn thuê là 05 năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh		
Cung cấp dịch vụ	2.660.751.944	1.138.322.249
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Chi phí dịch vụ đã sử dụng	16.955.337	-
Lợi nhuận được chia	10.959.771.887	-
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú		
Cung cấp dịch vụ	-	1.654.818.182
Phí đại lý	-	188.550.001
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, công nợ với các bên liên quan như sau:		
	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Công ty TNHH Tiếp vận DongBu Hải Minh		
Phải thu khách hàng	3.081.821.368	1.206.996.872
Phải trả khác	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu khách hàng	5.404.781.854	2.411.895.646
Phải thu khác	17.312.150.164	6.352.378.277
Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú		
Phải thu khách hàng	2.031.443.100	2.031.443.100
Phải trả cước dịch vụ	17.240.000	17.240.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong kỳ như sau:		
	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Tiền lương, thưởng	692.400.000	681.400.000
Cộng	692.400.000	681.400.000

3. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu loại hình dịch vụ do đó không phát sinh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Thành phố Hải Phòng	27.576.582.883	33.848.015.614
Thành phố Hồ Chí Minh	21.845.628.486	35.171.471.262
Cộng	<u>49.422.211.369</u>	<u>69.019.486.876</u>

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(36.270.269.510)	(52.599.242.118)
Nợ thuần	(36.270.269.510)	(52.599.242.118)
Vốn chủ sở hữu	131.998.470.000	131.998.470.000
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>-27%</u>	<u>-40%</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.270.269.510	36.270.269.510	52.599.242.118	52.599.242.118
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.067.288.380	37.067.288.380	22.901.838.159	22.901.838.159
Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác	23.382.539.241	23.382.539.241	8.544.847.037	8.544.847.037
Cộng	<u>96.720.097.131</u>	<u>96.720.097.131</u>	<u>84.045.927.314</u>	<u>84.045.927.314</u>
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	16.442.479.744	16.442.479.744	6.455.117.554	6.455.117.554
Chi phí phải trả ngắn hạn	433.311.227	433.311.227	181.973.943	181.973.943

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Phải trả ngắn hạn khác	597.556.089	597.556.089	1.190.490.765	1.190.490.765
Cộng	17.473.347.060	17.473.347.060	7.827.582.262	7.827.582.262

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.7c.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro chủ yếu về rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là không đáng kể do khoản đầu tư mua cổ phiếu có giá trị nhỏ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, phải thu khác ...)

Phải thu khách hàng

Hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty chủ yếu là khách hàng nhỏ lẻ, không tập trung, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Công ty đánh giá rủi ro tín dụng đối với các khoản phải thu của khách hàng là không đáng kể.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Các công cụ tài chính khác

Tổng Giám đốc đánh giá tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm về giá trị vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
30/6/2016				
Tài sản tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	16.442.479.744	-	-	16.442.479.744
Chi phí phải trả ngắn hạn	433.311.227	-	-	433.311.227
Phải trả ngắn hạn khác	597.556.089	-	-	597.556.089
Cộng	17.473.347.060	-	-	17.473.347.060

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Trong vòng 1 năm	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36.270.269.510	-	-	36.270.269.510
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	37.067.288.380	-	-	37.067.288.380
Phải thu ngắn hạn khác	21.885.451.241	-	-	21.885.451.241
Phải thu dài hạn khác	-	1.497.088.000	-	1.497.088.000
Cộng	95.223.009.131	1.497.088.000	-	96.720.097.131
				-
Chênh lệch thanh khoản thuần	77.749.662.071	1.497.088.000	-	79.246.750.071

01/01/2016

Tài sản tài chính

Phải trả người bán ngắn hạn	6.455.117.554	-	-	6.455.117.554
Chi phí phải trả ngắn hạn	181.973.943	-	-	181.973.943
Phải trả ngắn hạn khác	992.422.765	-	-	992.422.765
Phải trả dài hạn khác		198.068.000	-	198.068.000
Cộng	7.629.514.262	198.068.000	-	7.827.582.262

Nợ phải trả tài chính

Tiền và các khoản tương đương tiền	52.599.242.118	-	-	52.599.242.118
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.901.838.159	-	-	22.901.838.159
Phải thu ngắn hạn khác	7.547.759.037	-	-	7.547.759.037
Phải thu dài hạn khác		997.088.000	-	997.088.000
Cộng	83.048.839.314	997.088.000	-	84.045.927.314

Chênh lệch thanh khoản thuần

	75.419.325.052	799.020.000	-	76.218.345.052
--	-----------------------	--------------------	---	-----------------------

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Thông tin so sánh

Số liệu đầu năm được lấy theo Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2016



NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THÀNH VĂN
Kế toán trưởng

NGUYỄN THÀNH VĂN
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ